

Bản án số: 264/2019/HS-PT
Ngày 16-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Huyền Vân

Ông Vũ Ngọc Huỳnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 05 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 665/2018/TLPT-HS ngày 19 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo Đặng Thị Hải Y. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2017/HSST ngày 01/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đặng Thị Hải Y, sinh năm 1991 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú: 46 tổ 3, khu phố Hương S, phường Long H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở: tổ 9, khu phố Nam Dinh, phường Kim Dinh, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đức T và bà Nguyễn Thị L; có chồng là Nguyễn Hữu T và 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại hiện đang tại ngoại nuôi con nhỏ (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phạm Bá T – Công ty Luật TNHH MTV N, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị hại đồng thời là bị đơn dân sự:

1. Ông Phan Quốc C, sinh năm: 1982; trú tại: K25/20 đường N, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng.

2. Bà Dương Thị Ngọc B, sinh năm: 1981; trú tại: 67 Nguyễn Văn L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của ông Phan Quốc C, bà Dương Thị Ngọc B:
Ông Nguyễn Tất T, sinh năm 1994; Trú tại: Thôn N, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

3. Bà Trần Thị P, sinh năm: 1960; trú tại: 154 khu 2, ấp H, xã H, T, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Nguyên đơn dân sự:

1. Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1985; Hộ khẩu thường trú: Khố 10, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; Chỗ ở: Hẻm 3 con chó, tổ 2, KP Khánh Long, phường T, huyện T, Bình Dương (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm: 1973; trú tại: 98 B, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

3. Ông Dương Tuấn A, sinh năm: 1991; trú tại: 52/73 Hồ Tùng Mậu, phường T, TP. B (vắng mặt).

4. Bà Đinh Thị N, sinh năm: 1998; trú tại: xóm 2, thôn 13, xã P, huyện K, Đắk Lắk (vắng mặt).

5. Ông Đinh Văn Đ, sinh năm: 1994; trú tại: 168 Trần Hưng Đạo, Tổ 6, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Hải Y; trú tại: 1172/54 đường 30/4, phường 11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (xin vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm: 1988; trú tại: 8D KP Long Tân, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3. Bà Lê Kim C, sinh năm: 1961; Hộ khẩu thường trú: Tổ 1, khu phố H, phường L, thành phố B; chỗ ở: 55 Nguyễn Thanh Đăng, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Lê Ngân T, sinh năm: 1991; trú tại: Nhà tập thể Trung tâm văn hóa B, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2016, Đặng Thị Hải Y, sinh ngày 13/11/1991, trú tại Tổ 3, H, phường Long H, TP B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, có số thẻ Căn cước công dân số 077191000218 do Bộ Công an cấp ngày 01/8/2016 là nhân viên kế toán Công ty XD cầu đường A (Tổ 9 KP Nam Dinh, phường K, TP B do ông Đặng Tuấn A (chú ruột) làm giám đốc đã thuê một người đàn ông tên G (không rõ lai lịch, địa chỉ) qua mạng xã hội làm giả Bản chứng thực sao y Giấy Chứng minh nhân dân số 274362227 do Công an Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 27/10/2009 lấy tên Nguyễn Thị Nhã P, sinh ngày 13/12/1984, trú tại số 95 Hoàng Hoa Thám,

phường T, TP V và dùng tên giả này để tự giới thiệu với mọi người, trong đó có bà Trần Thị P (sinh năm 1960, trú tại ấp H, xã H, T, Đồng Nai) và ông Phan Quốc C (trú tại K25/20 Ngõ Hành Sơn, phường M, quận N, Đà Nẵng) là bản thân Y đang làm việc tại Phòng Tổ chức thuộc Cục Hải quan Bà Rịa – Vũng Tàu có quan hệ rộng, có khả năng chạy xin việc làm vào các cơ quan Nhà nước như Hải quan, Công an,...với giá từ 200 triệu đến 250 triệu đồng/trường hợp nhằm mục đích chiếm đoạt tiền.

Tin tưởng là thật nên ông C đã nhận hồ sơ, nhận tiền của những người quen có tên dưới đây chạy xin việc làm:

- Ông Đinh Văn Đ (sinh năm: 1994; HKTT: Tổ 6, thị trấn P, huyện Ni, tỉnh Kon Tum) đã giao cho ông C hồ sơ và số tiền 120 triệu đồng để chạy xin việc làm vào Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Đoàn Văn Đ (sinh năm: 1985; HKTT: khối 10, thị trấn Đ, huyện Đ, Kon Tum) đã giao cho ông C hồ sơ và số tiền 150 triệu đồng để chạy xin việc làm vào Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Q (sinh năm: 1973, HKTT: Tổ 13, phường T, TP K, tỉnh Kon Tum) đã giao cho ông C hồ sơ và số tiền 160 triệu đồng để chạy xin việc làm cho cháu là Bùi Thị Hồng N vào Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Dương Tuấn A (sinh năm: 1991; HKTT: xã Đ, huyện H, tỉnh Cao Bằng) đã giao cho ông C hồ sơ và 140 triệu đồng để chạy xin việc làm tại Trại giam B5, Công an tỉnh Đồng Nai.

- Bà Đinh Thị N (sinh năm: 1998; HKTT: xóm 2, thôn 13, xã P, Krông Búk, Đắk Lắk) đã giao cho ông C hồ sơ và số tiền 100 triệu đồng để chạy xin việc làm vào Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn.

Sau khi nhận hồ sơ và tiền của 05 (năm) trường hợp nêu trên, ông C thông qua bà P và trực tiếp cùng với vợ (bà Dương Thị Ngọc B) chuyển tiền cho Y qua tài khoản các ngân hàng Agribank, ngân hàng BIDV do Y chỉ định. Sau khi nhận tiền, Y đã thuê người đàn ông tên G làm giả các Quyết định tuyển dụng, Hợp đồng lao động có chữ ký, đóng dấu đỏ của các cơ quan Hải quan, Công an để giao trực tiếp cho ông C, giao cho người có tên trong hồ sơ xin việc.

Cụ thể:

*** Trường hợp ông Đinh Văn Đ:**

Sau khi nhận hồ sơ và nhận tiền chạy xin việc cho ông Đ do ông C nhờ bà P chuyển; đến ngày 02/5/2016, Y hẹn bà P, ông C dẫn ông Đ đến Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu để nhận việc. Khi bà P, ông C, ông Đ đến nơi thì Y không ra mặt mà cho bà P số điện thoại của một người mà Y bịa đặt là Trưởng phòng tổ chức cán bộ Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà P gọi theo số điện thoại Y cung

cấp nhưng không liên lạc được nên đi về, hẹn hôm sau quay lại. Ông C và ông Đ thuê khách sạn (không nhớ tên, địa chỉ) nghỉ lại ở thành phố Vũng Tàu để chờ đợi. Đến chiều cùng ngày, Y gọi điện thoại cho ông C tự giới thiệu tên là Nhã P, cán bộ Phòng tổ chức Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu là người nhận hồ sơ và phân công công việc cho ông Đ rồi hẹn ông C dẫn ông Đ đến một quán cà phê ở Vũng Tàu (không nhớ tên, địa chỉ). Tại quán cà phê, Y yêu cầu ông C đưa cho thêm 50 triệu đồng nữa và ông C đã trực tiếp đưa cho Y 50 triệu đồng nhưng không làm giấy biên nhận.

Đến khoảng tháng 7/2016, Y thuê người đàn ông tên G làm giả 01 (một) “Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn số HQ790-/HĐLV ngày 27/7/2016” do ông Đào Duy B thừa lệnh Cục trưởng Cục HQCK ký và đóng dấu Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Cái Mép có nội dung phân công ông Đ vào làm nhân viên kiểm kê hàng hóa tại Chi Cục hải quan cửa khẩu cảng Cái Mép giao cho ông Đ cầm giữ trong thời gian chờ việc làm đồng thời chụp ảnh Hợp đồng gửi cho ông C qua mạng xã hội Zalo để biết (bút lục số 45, 46, 47). Sau đó, khoảng tháng 8/2016, Y tiếp tục đưa ông Đ 01 Quyết định làm giả của Hải quan Bà Rịa – Vũng Tàu rồi dẫn ông Đ đến Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Cái Mép chỉ chỗ ông Đ sẽ làm việc và lấy lại các giấy tờ giả đã giao cho ông Đ nói dối là để giao nộp cho Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Cái Mép rồi đi về.

Quá trình điều tra, mặc dù không thu giữ được bản chính Hợp đồng và Quyết định làm giả nêu trên, nhưng khi Cơ quan điều tra cho xem bản in hình ảnh Hợp đồng trích xuất từ điện thoại của ông C thì Y thừa nhận là tài liệu do Y làm giả và ký xác nhận trên tài liệu (bút lục 44 đến 47).

*** Trường hợp các ông Đoàn Văn Đ, Dương Tuấn A:**

Sau khi nhận hồ sơ và nhận tiền chạy xin việc cho ông Đ và ông Tuấn A do ông C và bà B (vợ ông C) chuyển đến, Y thuê người đàn ông tên G làm giả các tài liệu sau:

- 01 (một) “Quyết định v/v tạm tuyển chiến sỹ vào ngành” không số ngày 23/8/2016 của Công an Trại giam B5, tỉnh Đồng Nai do Trung tá Lê Đức T ký, đóng dấu đỏ, có nội dung bổ nhiệm ông Dương Tuấn A vào Đội bảo vệ của PC81B trực thuộc công an Trại giam B5 kể từ ngày 15/10/2016 (bút lục số 42).

- 01 (một) “Quyết định v/v đào tạo cán bộ bộ phận tuyên truyền” không số ngày 26/8/2016 của Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu do Trung tá Vũ Tiến D đội trưởng ký, đóng dấu đỏ, có nội dung điều cử ông Đoàn Văn Đ đi tập huấn nghiệp vụ công tác tuyên truyền kể từ ngày 26/9/2016 (Bút lục số 43).

Các tài liệu trên, Y đã giao cho ông C để làm tin, ông C nghi ngờ giả mạo nên đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

*** Trường hợp các bà Đinh Thị N và Bùi Thị Hồng Ngát:**

Sau khi nhận hồ sơ và nhận tiền chạy xin việc cho bà N và bà Ngát do ông C và bà B (vợ ông C) chuyển đến, Y thuê người đàn ông tên G làm giả các tài liệu sau:

- 01 (một) “Quyết định v/v bố trí công tác cán bộ tạm thời” không số ngày 05/9/2016 của Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu do TT Đinh Văn Như ký có nội dung bố trí bà Ngát làm công việc kế toán tại Công an PCCC kể từ 26/9/2016. Y đã giao tài liệu này cho bà Lê Thị Hải Y (cô ruột bà Ngát) bản chính tờ quyết định nêu trên tại siêu thị Coop Mart Bà Rịa đồng thời chụp ảnh gửi cho ông C qua mạng xã hội Zalo. Bà Lê Thị Hải Y cầm tờ Quyết định làm giả mang về nhưng đã làm thất lạc nên không thu giữ được.

- 01 (một) “Quyết định số 35/QĐ-KV1 v/v tiếp nhận thử việc” không ngày tháng năm do ông Hoàng Việt C Phó Tổng Cục trưởng ký và đóng dấu Chi cục Hải quan Cảng Sài Gòn Khu vực 1 có nội dung tiếp nhận bà Đinh Thị N vào thử việc nhân viên kiểm tra hàng hóa thời hạn từ 05/9/2016 đến 06/11/2016 rồi chụp ảnh, gửi cho ông C, bà B qua mạng xã hội Zalo để gửi cho bà N.

Quá trình điều tra, mặc dù không thu giữ được bản chính các Quyết định làm giả nêu trên, nhưng khi Cơ quan điều tra cho xem bản in trích xuất từ điện thoại của ông C thì Y thừa nhận là tài liệu do Y làm giả và ký xác nhận trên từng tài liệu (Bút lục số 48, 49).

* Kết quả điều tra về số tiền Y chiếm đoạt:

Tổng số tiền ông C nhận tiền của 05 (năm) trường hợp nêu trên là 670 triệu đồng, ông C khai đã chuyển dịch số tiền như sau:

- Ông C và bà Dương Thị Ngọc B (vợ ông C) nhiều lần chuyển số tiền 330 triệu đồng qua các tài khoản ngân hàng do Y chỉ định (TK số 6000205157606 tại ngân hàng Agibank đứng tên bà Lê Kim C (mẹ của bạn Y); TK số 6001205166853 tại ngân hàng Agibank đứng tên Nguyễn Thủy Tiên (bạn Y); TK số 76110000143902 tại ngân hàng BIDV đứng tên bà Nguyễn Lê Ngân T (bạn Y). Quá trình điều tra, các chủ tài khoản trên khai cho Y mượn nhờ tài khoản, khi có tiền thì họ cũng rút ra giao hết cho Y; bản thân Y cũng đã thừa nhận đã nhận số tiền 330 triệu đồng để chiếm đoạt (bút lục từ số 169 đến số 215).

- Ông C giao trực tiếp cho Y 270 triệu đồng, trong đó có khoản 90 triệu đồng Y viết giấy tờ dưới hình thức vay mượn ký tên Nhã P (bút lục 184), số còn lại 180 triệu đồng các bên không làm giấy tờ (trong đó có khoản 50 triệu đồng chạy việc cho ông Đ giao cho Y tại quán cà phê ở Vũng Tàu ngày 02/5/2016). Quá trình điều tra, Y không thừa nhận số tiền 180 triệu mà chỉ thừa nhận khoản tiền 90 triệu đồng là tiền vay của ông C chứ không phải tiền xin việc. Tuy nhiên, qua đánh giá tài liệu chứng cứ, thấy thủ đoạn ghi sai tên (Nhã P) trong giấy vay tiền chính là thủ đoạn gian dối của Y để chiếm đoạt 90 triệu đồng nên Y phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền này.

Số còn lại 270 triệu đồng – 90 triệu đồng = 180 triệu đồng, kết quả điều tra không đủ chứng cứ để kết luận ông C đã giao và Y đã nhận.

- Ông C giao cho bà P để nhờ chuyển cho Y số tiền 70 triệu đồng, bà P khai đã nhận tiền và giao trực tiếp 70 triệu đồng cho Y, và Y có viết tờ giấy dưới dạng vay tiền ngày 14/4/2016 (189a). Quá trình điều tra, Y chỉ thừa nhận chiếm đoạt số tiền 18,3 triệu đồng là tiền chạy xin việc của ông Đ, số tiền 47 triệu đồng Y khai là tiền vay mượn, còn số tiền 4,7 triệu đồng không có chứng từ nên Y không nhận. Tuy nhiên, qua đánh giá tài liệu chứng cứ, thấy khoảng thời gian Y viết các giấy vay phù hợp với thời gian Y cung cấp các thông tin gian dối về việc chạy việc cho ông Đ nên có cơ sở xác định Y dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 47 triệu đồng.

Số còn lại 70 triệu đồng – 18,3 triệu đồng – 47 triệu đồng = 4,7 triệu đồng, kết quả điều tra không đủ chứng cứ để kết luận bà P đã giao và Y đã nhận.

Như vậy tổng số tiền Đặng Thị Hải Y chiếm đoạt của 05 (năm) trường hợp chạy xin việc làm là: 330 triệu + 90 triệu + 18,3 triệu + 47 triệu = 485,3 triệu đồng.

* Kết quả giám định các giấy tờ Y thuê G làm giả:

- Đối với Giấy Chứng minh nhân dân số 274362227 mang tên Nguyễn Thị Nhã P do Công an Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 27/10/2009 mà Y thuê G làm giả. Tại Kết luận giám định số 1921/PC54-Đ3 ngày 19/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kết luận chữ ký Nguyễn Thị Quỳnh T và hình dấu tròn trên Giấy CMND số 274362227 mang tên Nguyễn Thị Nhã P có đóng dấu bản sao và chứng thực sao đúng bản chính, số chứng thực 021093, quyền số 04/2016-SCT/BS ngày 12/10/2016 không phải do cùng một người ký, không phải do cùng một con dấu đóng ra (bút lục số 55).

- Đối với “Quyết định v/v đào tạo cán bộ bộ phận tuyên truyền” không số ngày 26/8/2016 của Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, và “Quyết định v/v tạm tuyển chuyển sỹ vào ngành” không số ngày 23/8/2016 của Công an Trại giam B5, tỉnh Đồng Nai. Tại Kết luận giám định số 16/PC54-Đ3 ngày 19/01/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kết luận 02 Quyết định được làm giả bằng phương pháp in phun màu (bút lục số 38).

* Về phần dân sự trong vụ án:

+ Đối với ông Phan Quốc C:

Quá trình giải quyết vụ án, ông C đã hoàn trả cho các cá nhân: ông Dương Tuấn A số tiền 70 triệu đồng; bà Nguyễn Thị Ngọc Q số tiền 90 triệu đồng; ông Đoàn Văn Đ số tiền 50 triệu đồng; ông Đinh Văn Đ số tiền 50 triệu đồng.

Ông C yêu cầu bị can Y hoàn trả lại số tiền 600 triệu đồng; bà Trần Thị P trả lại số tiền 70 triệu đồng.

+ Bà Trần Thị P yêu cầu bị can Y hoàn trả số tiền 47 triệu đồng là tiền ông C nhờ chuyển cho Y chạy xin việc cho ông Đ. Ngoài ra, bà P còn yêu cầu Y trả 110 triệu đồng Y vay của bà P năm 2015.

+ Ông Dương Tuấn A yêu cầu ông C hoàn trả số tiền 70 triệu đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Q yêu cầu ông C hoàn trả số tiền 70 triệu đồng.

+ Ông Đoàn Văn Đ yêu cầu ông C hoàn trả số tiền 100 triệu đồng.

+ Ông Đinh Văn Đ yêu cầu ông C hoàn trả số tiền 70 triệu đồng.

+ Bà Đinh Thị N yêu cầu ông C hoàn trả số tiền 100 triệu đồng.

* Vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 03 tài liệu bản chính và nhiều bản ảnh in từ điện thoại do Y làm giả để lừa dối chiếm đoạt tiền. Tất cả đã chuyển theo hồ sơ vụ án (bút lục số 42 đến 49, số 56a).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55 /2017/HSST ngày 01/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố: Đặng Thị Hải Y phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

-Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị Hải Y 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”,

-Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị Hải Y 02 (Hai) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”

Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt của 02 tội bị cáo Đặng Thị Hải Y phải chấp hình phạt chung là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ bắt chấp hành án.

2. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

-Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Đặng Thị Hải Y phải bồi thường cho ông Phan Quốc C và bà Dương Thị Ngọc B số tiền 320.000.000đ (Ba trăm hai mươi triệu đồng).

Buộc bị cáo Đặng Thị Hải Y phải bồi thường cho Bà Trần Thị P số tiền 18.300.000đ (Mười tám triệu ba trăm ngàn đồng).

-Áp dụng Điều 579, 580 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc Bà Trần Thị P phải trả lại cho ông Phan Quốc C số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Buộc ông Phan Quốc C phải trả lại cho Ông Đinh Văn Đ số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng); trả cho Ông Đoàn Văn Đ 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng); trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc Q 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng); trả cho ông Dương Tuấn A 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng); trả cho bà Đinh Thị N 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 05/11/2017, bị cáo Đặng Thị Hải Y kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Đặng Thị Hải Y đã thay đổi yêu cầu kháng cáo từ kháng cáo kêu oan sang kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu: Sau khi phân tích tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Thị Hải Y. Đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và xử phạt bị cáo Đặng Thị Hải Y 07 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 năm tù “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo không có ý kiến về tội danh, điều luật Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, luật sư chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo Y thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có con nhỏ và cha mẹ già không ai chăm sóc để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Lời khai nhận tội của bị cáo Đặng Thị Hải Y tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở để kết luận: Đặng Thị Hải Y đã thuê một người đàn ông tên G (không rõ lai lịch, địa chỉ) làm giả Bản chứng thực sao y Giấy Chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Nhã P và dùng tên giả này

để tự giới thiệu với mọi người, trong đó có bà Trần Thị P và ông Phan Quốc C là bản thân Y đang làm việc tại Phòng Tổ chức thuộc Cục Hải quan Bà Rịa – Vũng Tàu có quan hệ rộng, có khả năng chạy xin việc làm vào các cơ quan Nhà nước như Hải quan, Công an, ... với giá từ 200 triệu đến 250 triệu đồng/trường hợp nhằm mục đích chiếm đoạt tiền.

Tin tưởng là thật nên ông C đã nhận hồ sơ, nhận tiền của những người quen để chạy xin việc làm gồm:

- Ông Đinh Văn Đ với số tiền 120 triệu đồng để chạy xin việc làm vào Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu; Ông Đoàn Văn Đ 150 triệu đồng để chạy xin việc làm vào Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Bà Nguyễn Thị Ngọc Q 160 triệu đồng để chạy xin việc làm cho cháu là Bùi Thị Hồng Ngát vào Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Ông Dương Tuấn A 140 triệu đồng để chạy xin việc làm tại Trại giam B5 - Công an tỉnh Đồng Nai; Bà Đinh Thị N 100 triệu đồng để chạy xin việc làm vào Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Sài Gòn KV1. Tổng cộng ông C nhận tiền của 05 (năm) trường hợp nêu trên là 670 triệu đồng.

Trong đó ông C và bà Dương Thị Ngọc B nhiều lần chuyển số tiền 330 triệu đồng qua các tài khoản ngân hàng do Y chỉ định; Ông C giao trực tiếp cho Y 270 triệu đồng, trong đó có khoản 90 triệu đồng Y viết giấy tờ dưới hình thức vay mượn ký tên Nhã P, số còn lại 180 triệu đồng các bên không làm giấy tờ. Quá trình điều tra, Y không thừa nhận.

- Ông C giao cho bà P để nhờ chuyển cho Y số tiền 70 triệu đồng, bà P khai đã nhận tiền của ông C và giao trực tiếp 70 triệu đồng cho Y và Y có viết tờ giấy dưới dạng vay tiền ngày 14/4/2016 (189a). Quá trình điều tra, Y chỉ thừa nhận chiếm đoạt số tiền 18,3 triệu đồng là tiền chạy xin việc của ông Đ, số tiền 47 triệu đồng Y khai là tiền vay mượn, còn số tiền 4,7 triệu đồng không có chứng từ nên Y không nhận.

- Ông C xác nhận: số tiền do ông C, bà B chuyển khoản cho Y để xin việc làm cho 05 trường hợp nêu trên là 330.000.000 đồng, sau đó Y chuyển trả lại cho bà B 10.000.000 đồng, còn lại 320.000.000 đồng Y chiếm đoạt, đến nay chưa trả lại và yêu cầu Tòa án buộc bị cáo Y trả số tiền trên cho ông C, bà B.

- Bà Trần Thị P xác nhận: bị cáo Y chiếm đoạt của bà số tiền là 18.300.000 đồng và yêu cầu Tòa án buộc bị cáo Y trả số tiền trên cho bà.

Như vậy tổng số tiền Đặng Thị Hải Y chiếm đoạt của các bị hại C, B và P trong 05 (năm) trường hợp chạy xin việc làm được xác định là: 320.000.000đ + 18.300.000đ = 338.300.000đ (Ba trăm ba mươi tám triệu ba trăm ngàn đồng). Bị cáo Đặng Thị Hải Y thừa nhận đã chiếm đoạt của các bị hại C, B và P số tiền nêu trên và chấp nhận trả theo yêu cầu của các bị hại.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện hành vi lừa đảo nêu trên, để tạo lòng tin đối với các bị hại, bằng thủ đoạn gian dối bị cáo đã làm giả “Quyết định v/v

đào tạo cán bộ bộ phận tuyên truyền” và “Quyết định v/v tạm tuyển chiến sỹ vào ngành”.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Đặng Thị Hải Y phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 139, điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm án của bị cáo Đặng Thị Hải Y. Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của công dân, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Ngoài ra, bị cáo còn có hành vi trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính, xâm phạm hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước, tổ chức. Do đó cần phải xét xử bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo đã gây ra nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để xử phạt bị cáo Đặng Thị Hải Y 07 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không xuất trình được chứng cứ, tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới nên không có căn cứ giảm án cho bị cáo. Luật sư bào chữa cho bị cáo Y đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm giảm án cho bị cáo với lý do bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, con nhỏ và cha mẹ già không ai chăm sóc. Những tình tiết này đã được cấp sơ thẩm xem xét nên không được chấp nhận. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với những nhận định trên nên được chấp nhận.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Đặng Thị Hải Y phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Đặng Thị Hải Y. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Đặng Thị Hải Y phạm các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

-Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị Hải Y 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

-Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị Hải Y 02 (Hai) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt của 02 tội bị cáo **Đặng Thị Hải Y** phải chấp hình phạt chung là **09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ bắt bị cáo chấp hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Buộc bị cáo Đặng Thị Hải Y phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Bị cáo tại ngoại (1);
- UBND phường Long H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Lưu VP (2). HS (3). 15b (án 36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trung Tuấn